

Bản án số: **135/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 16-5- 2019

V/v *Không công nhận vợ chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Vinh

2. Ông Lê Hồng Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04/3/2019 về không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn ĐT 2, xã XV, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Trọng H**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn ĐT 2, xã XV, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh H có mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị H trình bày; Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1993 chị và anh Trần Trọng H quen biết nhau và về chung sống với nhau cũng từ năm 1993, chung sống với nhau như vợ chồng và không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chị với anh H sống tại thôn Sơn Hạ 4, xã XV, huyện Yên Sơn, sau đó lại chuyển đến thôn ĐT 2, xã Xchung sống từ thời gian đó cho đến nay. Quá trình chung sống chị với anh H hoà thuận sống với nhau được 16 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hay đánh chửi nhau, vợ chồng không cùng nhau nuôi dạy con cái, anh H không tu chí làm và lấy tiền gia đình đi tiêu sài, nay chị nhận thấy rằng chị với anh H không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và hiện nay đã sống ly thân được 02 năm, không

còn quan tâm và không còn tình cảm. Do chị với anh H lấy nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Vậy chị đề nghị Toà án giải quyết không công nhận chị với anh H là vợ chồng.

Về con chung: Chị xác nhận chị với anh Trần Trọng H có 03 con chung là: Trần Thị Thu Hương, sinh ngày 23/6/1995; Trần Thị Thu Hiền, sinh ngày 23/02/1997; Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 09/7/2005. Chị xác nhận hai cháu Hương và Hiền đã đến tuổi trưởng thành có sức khoẻ và khả năng lao động nên chị không đề nghị giải quyết về việc nuôi con, đối cháu Trần Mạnh Hùng chị sẽ thoả thuận về việc nuôi cháu Hùng và theo nguyện vọng của cháu Hùng.

- Tài sản chung: Chị đề nghị được tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ: Vợ chồng chị không vay nợ ai, không đề nghị giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai anh Trần Trọng H trình bày;

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị H tìm hiểu nhau từ năm 1993 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, hai bên cùng hẹn nhau cưới xong thì đến UBND xã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng vì cuộc sống hàng ngày trôi đi và kể từ đó đến nay anh với chị H cũng không đăng ký kết hôn, vậy anh xác định đến nay anh với chị H lấy nhau không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng anh hoà thuận, hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn cách đây khoảng 04 năm, nguyên nhân mâu thuẫn do chị H có quan hệ ngoại tình, anh đã phát hiện được thì chị H bỏ đi làm ăn xa, đến đầu năm 2019 chị H có về nhà nhưng vợ chồng không hoà thuận. Nay chị H có đơn đề nghị Toà án giải quyết, anh không nhất trí bỏ chị H, lý do là để các con trưởng thành và xây dựng gia đình xong.

2. Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Trần Thị Thu Hương, sinh ngày 23/6/1995; Trần Thị Thu Hiền, sinh ngày 23/02/1997; Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 09/7/2005. Anh xác nhận hai cháu Hương và Hiền đã đến tuổi trưởng thành có sức khoẻ và khả năng lao động nên anh không đề nghị giải quyết về việc nuôi con, đối với cháu Nguyễn Mạnh Hùng do hiện nay chị H đi làm ăn xa nên anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Hùng và đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Hùng là 2.000.000đ/tháng.

3. Về tài sản chung; Vợ chồng anh tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết.

4. Về vay nợ; Vợ chồng anh tự thoả thuận, không đề nghị toà án giải quyết.

Tại phiên toà: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Anh Trần Trọng H trình bày tại phiên toà: Về quan hệ hôn nhân anh cũng muốn bỏ chị H nhưng anh mong muốn để các con trưởng thành và xây dựng gia đình xong vì anh xác nhận tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa. Về con chung anh đề nghị được nuôi con chung là cháu Hùng và tại phiên toà hôm nay anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung vay nợ chung anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Tuyên:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trọng H.

Về con chung: Giao con chung là Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 09/7/2005 cho anh Trần Trọng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Trần Trọng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trọng H có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa bàn xã XV, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết không công nhận giữa chị với anh Trần Trọng H là vợ chồng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các điều 28, 35 và điều 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh H đều vắng mặt. Do vậy không tiến hành hoà giải được theo quy định tại điều 207 BLTTDS. Toà án

tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trọng H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993. Tuy chị H và anh H chung sống với nhau như vợ chồng trên tinh thần tự nguyện và trong quá trình chung sống có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên đến thời điểm Toà án giải quyết anh chị đều xác nhận không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị H và anh H mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, do quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị H cho rằng chị với anh H hay đánh chửi nhau, vợ chồng không cùng nhau nuôi dạy con cái, anh H không tu chí làm và lấy tiền gia đình đi tiêu sài, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh H cho rằng chị H có quan hệ ngoại tình, anh đã phát hiện được thì chị H bỏ đi làm ăn xa, đến đầu năm 2019 chị H có về nhà nhưng vợ chồng không hoà thuận. Nay chị H có đơn đề nghị Toà án giải quyết, anh không nhất trí bỏ chị H lý do là để các con trưởng thành và xây dựng gia đình xong. Tuy anh H không nhất trí bỏ chị H, mặc dù kể từ đầu năm 2019 chị H có về chung sống nhưng giữa anh với chị H vẫn không hoà thuận và cũng không có ý trí bàn bạc vợ chồng đoàn tụ và đi đăng ký kết hôn theo đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình. Vậy xét yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh H có 03 con chung là Trần Thị Thu Hương, sinh ngày 23/6/1995; Trần Thị Thu Hiền, sinh ngày 23/02/1997; Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 09/7/2005. Anh chị xác nhận hai cháu Hương và Hiền đã đến tuổi trưởng thành có sức khoẻ và khả năng lao động nên anh chị không đề nghị giải quyết về việc nuôi con, đối với cháu Nguyễn Mạnh Hùng do hiện nay chị H đi làm ăn xa nên anh H đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Hùng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Chị H đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về. Xét thấy yêu cầu đề nghị của anh H được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Hùng và lời khai của cháu Hùng cũng đề nghị được ở với bố là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Giao con chung là Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 09/7/2005 cho anh Trần Trọng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh chị tự thoả thuận và không yêu cầu xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị H theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trọng H.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 09/7/2005 cho anh Trần Trọng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N° 0001439 ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Trần Trọng H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (*Khi án có hiệu lực*)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn; (*nt*)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã XV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

